

Các kiểu loại truyện cười dưới góc độ mơ hồ ngôn ngữ (minh họa qua tiếng Việt và tiếng Anh)

• **Trần Thủy Vịnh**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Truyện cười (jokes) rất phổ biến trong cuộc sống. Trong đó, tính mơ hồ đa nghĩa của ngôn ngữ đóng vai trò tích cực, giúp người nói và người nghe đạt được hiệu quả giao tiếp như mong muốn - đó là tạo nên và cảm nhận cái hài. Truyện cười tuy ngắn gọn nhưng tinh tế, đậm chất nghệ thuật của ngôn từ.

Bài viết phân tích những đặc điểm của mơ hồ ngôn ngữ như là một “phương tiện” để tạo nên cái hài trong các mẫu truyện cười ở tiếng Việt và tiếng Anh; đồng thời khảo sát các kiểu loại truyện cười do mơ hồ ngôn ngữ cũng như xem xét khả năng sử dụng chúng trong việc dạy/học ngoại ngữ.

Từ khóa: truyện cười, mơ hồ ngôn ngữ, dạy tiếng, mơ hồ từ vựng, mơ hồ cú pháp, mơ hồ ngữ dụng

1. Mở đầu

Truyện cười (jokes) rất phổ biến trong cuộc sống và thường được phân định thành hai loại theo tiêu chí thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học và không thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học¹. Bài viết chỉ bàn về loại truyện cười thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học (linguistic jokes)². Cái cười ở loại truyện này có liên quan chặt chẽ tới một hiện tượng phổ quát của ngôn ngữ - hiện tượng mơ hồ. Đặc tính mơ hồ của ngôn ngữ cho phép một từ, ngữ, hoặc câu được diễn dịch theo nhiều cách khác nhau và tạo ra hiệu ứng hài hước. Theo Oaks (1994), cái hài trong truyện cười

chủ yếu dựa trên mơ hồ ngôn ngữ: nó được nhận ra vào giây phút người nghe/người đọc “tiến đến” điểm nút (punchline) của câu chuyện. Điểm nút này có thể nhận thấy như ở phần kết của mẫu truyện cười dưới đây:

(1) “Có một giai thoại về Nguyễn Khuyến như sau: Làng Cổ Ngựa có ngôi đền thờ thánh mẫu thu hút khá nhiều người đến lễ bái. Nhằm kiểm soát đám người mê tín, hào lý trong làng xuất quỹ xây lại đền to hơn, đẹp hơn.

Biết rõ ý đồ này, cụ Nguyễn Khuyến gửi đôi câu đối xuống cúng thánh, mừng làng:
- *Mỹ nhân như ngọc, hành vũ, hành Phong, anh linh mạc trắc*

(Nghĩa là: Người đẹp như ngọc, làm gió, làm mưa, thiêng không lường hết).

- *Tế thế kỳ âm, hộ dân hộ quốc, thượng lại vô cùng*

(Nghĩa là: Âm đức cứu đời, giúp dân, giúp nước, ơn đội vô cùng).

¹ Ranh giới giữa truyện cười thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học và không thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học là vấn đề đang còn bàn cãi, đặc biệt là ở những mẫu truyện do mơ hồ ngữ dụng. Theo Robert Lew (1996), truyện cười thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học được nhiều tác giả thừa nhận và nghiên cứu như Hocket (1972), Shultz và Horibe (1974), Shultz và Robillard (1980), Frumusani (1986), Spector (1990), nổi bật là Raskin (1987) khi cho rằng tất cả truyện cười đều thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học [15 : 127].

² Từ đây về sau, trong bài viết, truyện cười thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học được gọi ngắn gọn là truyện cười.

Lời ca ngợi thánh mẫu thật sự nghiêm túc chăng? Ngày xưa viết không có dấu phẩy ngăn cách các từ, và mấy ông chức sắc đã tái mặt khi đọc lại:

- *Mỹ nhân như ngọc hành...*

- *Tế thế kỳ âm hộ...*

Thế đấy, đành rằng nói và viết phải rõ ràng, chính xác. Nhưng cũng có khi người ta cần nói và viết cho... mơ hồ, vì người ta muốn... mơ hồ. Giai thoại trên đây là một ví dụ”.

(dt Nguyễn Đức Dân, 1986)

Sau đây, bài viết sẽ phân tích những đặc điểm của mơ hồ ngôn ngữ như là một “phương tiện” để tạo nên cái hài trong các mẫu truyện cười ở tiếng Việt và tiếng Anh; đồng thời khảo sát các kiểu loại truyện cười do mơ hồ ngôn ngữ cũng như xem xét khả năng sử dụng chúng trong việc dạy/học tiếng Việt (hoặc tiếng Anh) như một ngoại ngữ.

2. Mơ hồ và các kiểu loại mơ hồ trong ngôn ngữ

2.1. Định nghĩa

Dưới góc độ ngữ dụng, việc phân tích ngữ nghĩa của câu không thể dừng lại ở bình diện hệ thống-cấu trúc, bình diện ngôn ngữ (hiểu theo nghĩa hẹp), đối lập với lời nói, mà phải được tiến hành cả ở bình diện chức năng, bình diện sử dụng lời nói. Ngữ nghĩa của câu thường gắn liền với những yếu tố của ngữ cảnh, còn ngữ nghĩa của lời cần được xem xét trong quan hệ nhiều mặt, không những trong quan hệ cấu trúc nội tại, mà còn trong quan hệ với nhận thức và với những yếu tố của ngữ cảnh và ngôn cảnh. Theo Hoàng Phê (1989), ý là nội dung diễn đạt của ngôn ngữ (hiểu theo nghĩa rộng) trong một ngôn cảnh cụ thể, hay nói cách khác, của một đơn vị lời nói. Sự kết hợp giữa *nghĩa* và *ý* làm thành toàn bộ ý nghĩa của phát ngôn. Tương tự, Cao Xuân Hạo (1995) cũng cho rằng nghĩa câu cũng gồm hai phần là *nghĩa nguyên văn* và *nghĩa ngôn trung*: “Trong cái “nội dung” hay “ý nghĩa” của câu có thể thấy hai phần khác nhau, một phần toát ra từ bản thân câu nói (nghĩa “nguyên văn”) tách ra khỏi mọi tình huống, và một phần mà câu nói có được khi

được dùng trong tình huống nhất định vào một tình huống nhất định (nghĩa “ngôn trung”)” [5 : 6]. Ở đây ta thấy rằng quan niệm về *nghĩa* và *ý* của Hoàng Phê, *nghĩa nguyên văn* và *nghĩa ngôn trung* của Cao Xuân Hạo khá tương đồng với *nghĩa hiển ngôn* và *nghĩa hàm ngôn* của Nguyễn Đức Dân (1998), cũng như với *nội dung cơ bản (content)* và *ý diễn dịch (interpretation)* của Kooiji (1971). Đây là hai lớp ngữ nghĩa khác nhau: nghĩa nguyên văn/nghĩa hiển ngôn được xem như là nghĩa của câu – đơn vị của ngôn ngữ, và “nghĩa” ngôn trung/“nghĩa” hàm ngôn được xem như là “nghĩa” của lời – đơn vị của lời nói.

Trong cách sử dụng hàng ngày, “mơ hồ” được dùng để nói đến đặc tính của câu mà nó có thể được diễn dịch ít nhất là hai cách. Về đại thể, có hai cách mơ hồ trong ngôn ngữ:

câu có hơn một cấu trúc ngữ pháp và/hay ngữ nghĩa từ vựng (“đồng âm” về phương diện từ vựng và/hay cú pháp); và

câu (có thể) “đơn nghĩa” về phương diện ngữ nghĩa - từ vựng và phương diện ngữ nghĩa - cú pháp nhưng lại “đa nghĩa” trong thực tế sử dụng (“đồng âm” về phương diện ngữ dụng của câu).

Hay nói cách khác, ta có định nghĩa sau về câu mơ hồ: “Câu mơ hồ là câu trong khi có một biểu hiện duy nhất ở cấp độ này lại có ít nhất hai cách biểu hiện ở cấp độ khác.” [2 : 90].

2.2. Các kiểu loại mơ hồ

2.2.1. Mơ hồ từ vựng

Mơ hồ từ vựng xuất hiện ở những câu có hơn một nghĩa do có chứa các thành tố từ vựng có nhiều hơn một nghĩa. Nói cách khác ở cấp độ âm vị học và/hay cú pháp học nó có một “biểu hiện” duy nhất nhưng ở cấp độ từ vựng học lại có hai khả năng hiện thực hoá.

2.2.2. Mơ hồ cú pháp

Mơ hồ cú pháp xuất hiện ở những câu có hơn một nghĩa do các quan hệ cú pháp có thể được phân định theo nhiều cách khác nhau. Nói cách khác ở cấp độ âm vị học và/hay cấp độ từ vựng nó có một

“biểu hiện” duy nhất nhưng ở cấp độ cú pháp lại có hai khả năng hiện thực hoá.

2.2.3. Mơ hồ ngữ dụng

Mơ hồ ngữ dụng xuất hiện ở những phát ngôn có hơn một nghĩa ngôn trung/hàm ngôn. Nói cách khác, phát ngôn mơ hồ ngữ dụng là phát ngôn (có thể) có ít nhất là hai nghĩa ngôn trung (trong một ngôn cảnh cụ thể nào đó).

Mơ hồ từ vựng và/hay mơ hồ cú pháp là hiện tượng mơ hồ ở nghĩa nguyên văn/ngĩa hiển ngôn của phát ngôn. Trong thực tế, nghĩa nguyên văn luôn ảnh hưởng đến nghĩa ngôn trung nên nghĩa nguyên văn mơ hồ sẽ tạo nên nghĩa ngôn trung mơ hồ. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp nghĩa ngôn trung mơ hồ không phải là do nghĩa nguyên văn mơ hồ: nghĩa ngôn trung mơ hồ có thể do ý định của người nói không rõ hoặc do người nghe không hiểu (hoặc cố tình không hiểu) ý định của người nói, v.v.. Dẫn đến việc người thụ ngôn có thể diễn dịch phát ngôn theo nghĩa khác hẳn với nghĩa ngôn trung đích thực mà người phát ngôn muốn truyền đạt. Để làm rõ hơn vấn đề nêu trên, có thể xem xét các ví dụ sau:

(2) *Tóc tai gì mà rối như tổ quạ thế kia?*

(3) *Cu Tí con dì Tám có chiếc xe máy mới cấu cạnh mẹ à.*

Ta thấy ý định của người nói ở phát ngôn (2) khá mơ hồ: đây có thể là một lời nhận xét thông thường, một lời nhắc nhở, hoặc thậm chí chê bai. Tương tự, phát ngôn (3) có thể chỉ đơn thuần là một thông tin mà người nói (đứa con) đưa ra, hoặc có thể là một yêu cầu gián tiếp của đứa con xin mẹ mua chiếc xe máy.

Loại câu mơ hồ này có thể là do vô tình hay cố ý, như các ví dụ sau:

(4) *Don't kill your wife. Let our washing machine do the dirty work.*

(5) *15 men's wool suits, \$10. They won't last an hour.*

Câu (4) là câu mơ hồ có chủ ý; đây là lời quảng cáo ở một cửa hàng bán đồ điện gia dụng ở

Kentucky: người chủ cửa hàng muốn nói là “*Đừng có hành hạ, bắt vợ mình giặt đồ nữa. Hãy để cho máy giặt của cửa hàng làm công việc (giặt đồ) bẩn thỉu đó*”, nhưng nó cũng có nghĩa khác là “*Đừng giết vợ mình. Hãy để cho máy giặt của cửa hàng làm công việc (giết người) bẩn thỉu đó*”. Còn (5) là câu mơ hồ do vô tình. Đây là một quảng cáo ở một cửa hàng bán quần áo nam giới, có nghĩa là “*Bán giảm giá 10 đô 15 bộ vét dạ nam. Mua ngay kẻo một giờ sau sẽ hết*”. Nhưng nếu từ *last* được hiểu theo nghĩa “bền” thì câu này có hàm ý là “*re như vậy nên chỉ mặc một giờ là đi tong*”.

3. Đặc điểm của truyện cười

Truyện cười thường được định nghĩa như là “một mẫu truyện hài hước ngắn của văn chương truyền miệng, trong đó cái hài được tích lũy ở câu/phát ngôn cuối, được gọi là điểm nút (punchline) của câu truyện” [14 : 89]. Như vậy, tiếng cười (hay các hài) được tích lũy và “bùng nổ” một cách bất ngờ ở cuối câu truyện, mà trong đó, mơ hồ ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng: “Vì tiếng cười có một đặc điểm chung là được bật ra từ sự bất ngờ. Không có gì tốt hơn là dùng hiện tượng mơ hồ ngôn ngữ để gây ra sự bất ngờ đó” [4: 84].

Về mặt cấu trúc, truyện cười thường bắt đầu bằng: (1) Phần mở đầu: cung cấp những thông tin, những điều phổ biến, tự nhiên trong cuộc sống; (2) Phần dẫn dắt: tạo tình huống, “phông nền” cho câu kết gây cười; (3) Phần kết: đưa ra yếu tố, sự kiện gây cười. Hay nói cách khác, mô hình khái quát phổ biến của truyện cười thường có “ba phần cơ bản sau: a) chuẩn bị, b) dẫn dắt, c) kết thúc (gây cười). Ở phần chuẩn bị, độc giả được đưa vào tình huống A, ở phần dẫn dắt người dẫn chuyện làm cho độc giả thấy sự việc phát triển bình thường, hợp các qui luật khách quan, khiến độc giả dự đoán rằng nếu đã xảy ra sự kiện A thì theo quy luật xảy ra sự kiện B là kết quả hoặc nguyên nhân của A. Ở giai đoạn kết thúc, bất ngờ cho sự kiện xảy ra là C, chứ không phải B. Hai sự kiện C và B càng khác xa nhau bao nhiêu, càng ngoài sự chờ đợi, dự đoán của độc giả

bao nhiêu thì càng dễ làm cho họ phát hiện ra sự khác biệt giữa B và C bấy nhiêu và bật lên tiếng cười ý nhị, thoải mái. Nếu B và C là hai sự kiện hoàn toàn đối lập nhau, lúc đó sẽ dẫn tới tiếng cười châm biếm, mỉa mai”. [3 : 25-26].

Cái hài thuộc phạm trù mỹ học, rất tinh tế, mơ hồ và dường như rất khó để miêu tả và tri nhận. Đối với người bản ngữ, có những câu truyện khi đã kết thúc nhưng người nghe vẫn “bình chân như vại”, thậm chí “ngơ ngác”, không hiểu người kể muốn nói gì. Điều này cho thấy, thông thường, để thưởng thức một câu truyện cười cần phải có kiến thức và sự mẫn cảm ngôn ngữ: “Cái hài hước bao hàm khả năng hiểu biết/thông tuệ cao và chỉ có thể xuất hiện trong một bối cảnh ngôn ngữ xã hội cụ thể, và điều quan trọng nhất chính là tình yêu dành cho ngôn ngữ mẹ đẻ và khoái cảm thẩm mỹ được tạo nên từ việc sử dụng chúng” [20 : 12].

Bản chất của tiếng cười là sự “*thể hiện một khoái cảm thắng lợi*”, chủ yếu là thắng lợi trí tuệ” [3 : 9]. Nghệ thuật hài hước là nghệ thuật sáng tạo của trí tuệ - nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Đó là, “dù có phát hiện được những mâu thuẫn hài hước hoặc mâu thuẫn cần phê phán nhưng nếu không biết vận dụng những phương thức ngôn ngữ để tạo câu hài hước, hoặc châm biếm, không biết vận dụng các cơ chế gây cười thì vẫn không gây được tiếng cười. Người kể chuyện hài hước tài năng sẽ cảm nhận được cái qui luật và cơ chế gây cười trong nghệ thuật tác động tới độc giả và thính giả... Cần phát hiện ra những qui luật và cơ chế ấy về các phương diện logic, tâm lý cũng như ngôn ngữ, về các động tác, điệu bộ, cử chỉ... [3 : 11]. “Tiếng cười gắn với chủ định và lòng tin của người gây tình huống. Họ đặt ra tình huống A và tin rằng sẽ xảy ra tình huống B. Nếu thực tế xảy ra đúng như họ dự đoán, ấy là họ đã thành công, đã thắng lợi về trí tuệ”. [3 : 9]. Mặt khác, để phát hiện và cảm nhận cái hài cũng đòi hỏi phải có trí tuệ, có kiến thức nhất định về ngôn ngữ: người nghe/người đọc phải theo dõi diễn biến của câu truyện, tự mình khám phá ra các yếu tố

mơ hồ, từ đó cảm nhận cái hài: ““Để cảm nhận, phát hiện được cái đáng buồn cười cũng phải có trí tuệ. Biết cười cũng là có trí tuệ... Sự phát hiện ra mâu thuẫn tức cười là một điều kiện cần thiết và rất quan trọng để nảy sinh ra cái cười.... Vậy thì tiếng cười cũng phản ánh khoái cảm phát hiện, chính mình đã phát hiện ra điều ấy, chính mình đã giành được thắng lợi trí tuệ”. [3 : 9-10]. Một điều cần chú ý nữa là khả năng cảm thụ cái hài của mỗi người có khác biệt nhau: một câu truyện có thể tạo nên tiếng cười sảng khoái đối với người này, nhưng lại nhạt nhẽo và “vô vị” đối với người khác.

Theo Laimute Servaite [13 : 81], đặc tính hài hước của truyện cười cũng giống như thơ văn, chắc chắn có một nguyên lý cấu trúc cơ bản nằm ẩn (underlying fundamental structural principle). Nguyên lý này, ở hầu hết các câu truyện cười, dựa trên đặc tính mơ hồ của ngôn ngữ: trong cùng ngữ cảnh/ngôn cảnh, một phát ngôn có thể diễn dịch theo nhiều cách khác biệt nhau. Sự đan xen giữa những diễn dịch khác biệt tiềm năng này là nguyên nhân tạo nên hiệu ứng hài hước. Nói cách khác, nguyên lý chung nhất “*nhằm ẩn*” ở phần chính yếu của câu truyện hài chính là hiện tượng mơ hồ, và nó có thể được tạo nên ở những cấp độ ngôn ngữ khác nhau. Bảng “*phương tiện*” ngôn ngữ mơ hồ, có hai sự tình được đưa ra: một là sự tình được diễn dịch theo cách thông thường và một là sự tình được diễn dịch một cách khác biệt, bất ngờ, xuất phát từ tính mơ hồ của ngôn ngữ. Việc diễn dịch khác biệt này, nhìn chung, có thể chấp nhận được nhưng lại bất thường, khác lạ, và từ đó tạo nên hiệu ứng hài hước. Nói cách khác, theo Nguyễn Đức Dân, “để gây cười, cần tạo ra những tình huống mơ hồ và câu mơ hồ để người nghe, người đọc hiểu một đằng, hiểu theo lẽ thông thường, nhưng bất ngờ tác giả lại đưa ra một cách hiểu hoàn toàn ngược lại, làm đảo lộn mọi dự đoán. Tưởng rằng khen lại hóa chê, đoán rằng tốt lại hóa thành xấu; ngờ chân thành, khiêm tốn lại hóa khách sáo, kiêu căng.... Thông thường, có hai phương pháp tạo mơ hồ: “*Phương*

pháp thứ nhất, người ta tạo ra một tình huống *bất thường*, rồi nói một câu nào đó. Người nghe lại hiểu câu đó theo những tình huống bình thường. Kết quả đi tới những sự hiểu lầm tức cười và tai hại. Phương pháp thứ hai, không cần dựa vào tình huống. Người ta dùng ngay cấu trúc mơ hồ tồn tại ngay trong ngôn ngữ. Tất cả các kiểu mơ hồ đều được tận dụng để gây cười”. [3 : 49]. Xin dẫn ở đây một mẫu truyện:

(6) “*Có một người thường hay tìm dịp chơi xỏ quan huyện tham nhũng. Quan cảm tức lắm, nhưng chưa có dịp trả thù. Một hôm có người đệ đơn lên kiện anh ta. Thừa dịp, qua sai lính đi tróc nã người nọ. Đoán được ý quan, người ấy dắt đứa con trai nhỏ theo đến công đường. Tới nơi, quan huyện thét lính đánh anh ta. Người ấy bèn nói với đứa con rằng:*

“*Con đứng lui ra mà xem quan sắp đánh bố quan sắp đánh bố đấy!*”

Biết mình lại bị xỏ, quan càng tím mặt.

Trong truyện trên, có dẫn theo đứa con thì câu *quan sắp đánh bố* mới trở thành mơ hồ: quan sắp đánh bố quan hay là đánh bố đứa trẻ?” [4: 79].

Trong số các phương tiện ngôn ngữ được vận dụng trong các mẫu truyện cười do yếu tố mơ hồ ngôn ngữ, các nhà nghiên cứu thường đề cập đến những loại sau: mơ hồ từ vựng (do đa nghĩa, do đồng âm cùng từ loại,...), mơ hồ từ vựng-cú pháp (do đồng âm khác từ loại,...), mơ hồ cú pháp, mơ hồ ngữ dụng có liên quan đến hàm ý (implication), tiền giả định (presupposition), v.v.. Một số tác giả cũng đưa ra đến 25 loại truyện cười dựa trên các hiện tượng ngôn ngữ khác nhau [20 : 43].

Sau đây, chúng ta sẽ tìm hiểu các loại truyện cười do mơ hồ ở những cấp độ khác nhau của ngôn ngữ.

4. Các kiểu loại truyện cười Việt - Anh do mơ hồ ngôn ngữ

4.1. Loại truyện cười do mơ hồ từ vựng

Ở loại này, “phương tiện” mơ hồ từ vựng chủ yếu để tạo nên hiệu ứng hài hước là từ đồng âm và

đa nghĩa. Trong một ngôn ngữ bất kỳ, từ đồng âm và đa nghĩa thường chiếm tỉ lệ lớn, trong vốn từ vựng - tiếng Anh và tiếng Việt cũng vậy. Vì thế những câu truyện cười do từ đồng âm và đa nghĩa cũng chiếm một số lượng khá lớn. Nhìn chung, từ đồng âm/đa nghĩa thường được “vận dụng” rất “linh hoạt” trong các lời nói/câu truyện đùa, chẳng hạn như có người cho rằng Từ Hải trong *Truyện Kiều* là thương binh (*Một tay xây dựng cơ đồ*) hoặc Thúy Kiều có thai (*Thất kinh nàng chưa biết là làm sao*),...

4.1.1. Do đồng âm

Ở loại truyện cười này, người kể cố ý lồng vào một hình thức ngữ âm các nghĩa khác nhau; còn người nhận khi phát hiện ra các nghĩa khác nhau đó cũng là lúc có “cái thú” thường thức nghệ thuật thú vị.

Chẳng hạn như có câu truyện hài mà “điểm nút” là câu đối hóm hình, được tương truyền là của cụ Nguyễn Khuyến tặng cho Bàng Long, viên quan võ chốt mắt, như sau:

(7) *Cung kiếm ra tay, thiên hạ đổ dồn hai mắt lại*

Triều đình cử mục, anh hùng chỉ có một người thôi.

(dt Nguyễn Đức Dân, 1987)

Trong (7), người có thể hiểu theo hai nghĩa là *đại từ ngôi thứ hai* hoặc *con người của mắt*. Ở đây, không thể cho rằng tác giả muốn người nghe chỉ hiểu theo ý mỉa mai, hoặc chỉ theo ý ca ngợi của câu đối; thỏa đáng hơn là cho rằng tác giả muốn người nghe hiểu đây là một ca ngợi, nhưng “ẩn” sau cái bề ngoài đó là một câu mỉa mai nhưng hóm hình, hài hước. Cái thú vị của câu đối chính là nhờ ở sự “đa diện” này của từ *người*.

Ở câu truyện trên, cái hóm hình, hài hước được tạo ra từ hai từ đồng âm cùng từ loại. Ngoài ra, cũng có những câu truyện dựa trên sự mơ hồ của hai từ đồng âm khác từ loại (đồng âm từ vựng-cú pháp):

(8) A: *Sông có sâu không hả anh?*

B: Hối gì vớ vẩn thế! Đến đĩa còn không có nữa là sâu...”

(Về làng... “phát cáu” – Thế Anh & Vũ Bình)

(9) Nguyễn Công Trứ học giỏi nhưng lận đận trong khoa cử. Nghe đến thờ bà chúa Liễu Hạnh rất thiêng, cầu gì được nấy, ông đến hứa nếu thi đậu sẽ đến tế bà ba bò. Năm ấy, ông đậu giải nguyên, nhưng nhà nghèo quá, không thể thực hiện lời hứa. Thế là ông nảy sáng kiến, đến trước đền bò qua bò lại ba lần, rồi đứng dậy nói:

- Tôi đã tế bà đủ ba bò rồi đấy!

Đoạn hội thoại (8) được trích từ một phóng sự trong báo Tuổi Trẻ (15/11/2005) viết về làng “nói tức” Đông Loan (Bắc Giang). Làng này có “truyền thống” là khi đối đáp thường “phát ngôn” những câu làm người khác phải tức, phải cáu. Ví dụ trên là lời đối đáp giữa tác giả với một anh nông dân đang rửa chân ven sông: sâu trong câu hỏi là tính từ, còn sâu trong lời đáp là danh từ. Bài phóng sự này cũng có một ví dụ về đồng âm cùng từ loại như sau: Khi tác giả hỏi đường một lão nông già: “Thưa cụ, về Hà Nội còn mấy cây nữa ạ?” thì cụ từ từ bỏ cây cuốc trên vai xuống rồi thưa trả lời: “Tôi quá chú ơi, cây cối nhiều thế làm sao tôi đếm được bao nhiêu cây hả chú...”. Còn ở (9), cái hài hước, dí dỏm được tạo nhờ Nguyễn Công Trứ đã “hóa chuyển” một cách thông minh động từ bò thành danh từ (con) bò.

Tiếng Anh cũng có loại truyện cười tương tự, như sau:

(10) *The professor rapped on his desk and shouted: “Gentleman – order!”*

The entire class yelled: “Beer!”

(11) “An anecdote is tale.” Said the teacher. “Now Sidney, use it in a sentence.”

“I tired a tin to the dog anecdote.” (dt Laimute Servaite, 2005)

(12) *The following conversation took place between two teachers:*

A: “Do you allow your boys to smoke?”

B: “I’m afraid not.” “Can they drink?”

A: “No, by all means, no!” “What about dates?”

B: “Oh, that’s quite all right, as long as they don’t eat too many.”

(dt Misztal, 1990)

Ở (10), hiệu ứng hài hước được tạo nên nhờ các nghĩa khác nhau của hai động từ đồng âm order: giữ trật tự hay gọi món ăn. Cả lớp học cổ tình diễn dịch sai lệch yêu cầu của vị giáo sư. Ở (11), tính hài hước được tạo nên bởi sự đan xen về nghĩa của hai danh từ đồng âm tale: giai thoại hay cái đuôi (của động vật). Còn (12) là cuộc trò chuyện giữa hai giáo viên. Giáo viên A hỏi giáo viên B về những điều mà học sinh được phép làm. Có ba câu câu hỏi: câu thứ nhất đề cập đến việc hút thuốc lá, câu thứ hai đề cập đến việc uống rượu, và câu cuối cùng - thường được hiểu theo nghĩa thông thường - đề cập đến việc hén hò đôi lứa. Tuy nhiên, câu trả lời của giáo viên B “miễn là các em không ăn quá nhiều” (*as long as they don’t eat too many*) đã tạo nên hiệu ứng gây cười. Lúc này, người đọc/người nghe mới nhận ra được là giáo viên B đã diễn dịch danh từ date là (trái) chà là, chứ không phải là hén hò.

Ngoài ra, cũng có câu truyện hài đòi hỏi sự tri nhận phức tạp hơn, theo hai bước, như sau:

(13) *Guest: “And the flies are certainly thick around here.”*

Hotel manager: “Thick? What can you expect for two dollars a day? Educated ones?”

Trong câu truyện trên, hai nghĩa của hai tính từ đồng âm thick có thể được phân biệt một cách rõ ràng ở cuối câu truyện. Sự tri nhận hai nghĩa khác nhau: 1. dày đặc, đông đảo; 2. ngu ngốc, khờ khạo đã gọi ra hiệu ứng hài hước được định rõ qua thái độ bức xúc của viên quản lý. Cái hài hước của câu truyện trải qua hai bước: đầu tiên, “educated” đã tạo ra sự đan xen từ nghĩa thích hợp của từ “thick”: nghĩa thứ nhất của từ này theo ý định của người nói là dày đặc thì được viên quản lý tri nhận như là nghĩa thứ hai ngu ngốc, khờ khạo (và trở thành vô

giáo dục); và tiếp đó, nghĩa buồn cười về những con ruồi “có giáo dục” nổi trội lên, tạo hiệu ứng gây cười.

4.1.2. Đa nghĩa

Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa khác nhau và những nghĩa này có liên hệ nhau không ít thì nhiều. Thường thì một phát ngôn bao giờ cũng chứa những thành tố từ vựng đa nghĩa và việc này đòi hỏi người thụ ngôn phải “nhận diện” cho được cái ý nghĩa mà người phát ngôn muốn truyền đạt. Hầu hết các câu truyện cười do mơ hồ đa nghĩa “khai thác” sự khác biệt về các nghĩa của một từ đa nghĩa: sự tồn tại đồng thời giữa các nghĩa đan xen đó đã tạo nên tiếng cười cho câu truyện.

Quan sát các ví dụ sau:

(14) *Tương truyền có lần một bạn đồng liêu sinh con trai, mở tiệc ăn mừng. Trong số khách tham dự có nhà thơ trào phúng Nguyễn Quý Tân. Đến lượt mình chia vui, Nghè Tân đứng lên đồng dục đọc:*

*“Mừng ông nay mới đẻ con trai
Thật giống con nhà chẳng giống ai
Mong cho chóng lớn mà đi cướp”*

Đến đây, ông dừng lại. Mọi người sững sờ vì lời chúc kì quặc. Nghè Tân thông thả vuốt râu đọc tiếp:

“Cướp lấy khôi nguyên, kéo nữa hoài!”
(dt Hồ Lê, 2002)

Trong câu truyện (14), khi mới nghe ba câu thơ đầu, mọi người tưởng Nghè Tân dùng từ *cướp* với nghĩa đen (*cướp của*); nhưng sau khi nghe câu cuối, mới biết ông dùng từ *cướp* với nghĩa bóng (*đoạt được*) và *cướp lấy khôi nguyên* tức đầu đầu kì thi.

(15) She: “It’s no use bothering me, Jack. I shall marry whom I please.”

He: “That’s all I am asking you to do, my dear. You please me well enough.”

Câu truyện cười này cho thấy sự đồng hiện hai nghĩa của động từ *please*: (i) *thích/hài lòng (về ai đó)*; (ii) *làm (ai đó) hài lòng*. Hai nghĩa của động từ *please* có một số nét nghĩa giống nhau và được xem là khó lòng mà tạo ra khoảng cách ngữ nghĩa thích

hợp để gây cười. Tuy nhiên, ở lời nói của cô gái *I shall marry whom I please*, vị trí cú pháp của động từ *please* cho phép sự khác biệt về nghĩa của từ đa nghĩa này “gia tăng”, tạo nên mơ hồ. Trong câu này, từ *please* được cô gái dùng theo nghĩa (i), còn chàng trai lại “tri nhận” từ này theo nghĩa (ii). Sự đan xen các nghĩa khác nhau này đã tạo nên hiệu ứng hài hước cho câu truyện.

Các truyện cười tiếng Anh do mơ hồ từ vựng thường không thể dịch trực tiếp sang tiếng Việt (hoặc ngược lại), bởi vì hai ngôn ngữ không thể có cùng “mô hình ngữ nghĩa” tương đương nhau về các từ đồng âm và đa nghĩa.

4.2. Loại truyện cười do mơ hồ cú pháp

Trong truyện cười do mơ hồ cú pháp, chính ngữ cảnh và cấu trúc cú pháp đan xen đã tạo nên sự kết nối đa dạng giữa các thành tố trong câu/phát ngôn, cho phép câu/phát ngôn có ít nhất hai cách diễn dịch khác nhau. Trong hai cách diễn dịch tiềm năng, câu truyện đưa ra một diễn dịch khác lạ, bất ngờ nhưng đầy thú vị; và vì vậy tạo ra tiếng cười.

Trong loại này, loại truyện cười do mơ hồ gắn kết (attachment ambiguity) là khá phổ biến. Đây là loại mơ hồ thuần túy cú pháp (pure-syntactic ambiguity). Về mặt sơ đồ phân tích, câu mơ hồ gắn kết là câu có hơn một nút (node) để một thành phần cú pháp cụ thể nào đó có thể gắn vào một cách hợp lý và đặc tính ngữ nghĩa của thành phần gắn kết này là không đổi.

Quan sát những ví dụ sau:

(16) *Có một thanh niên chí hiếu và đạo đức. Sau khi cha qua đời, trở nên rệu rã, đánh bạc và rất hay đi ... ăn cắp. Một hôm bà mẹ quả mắng và than phiền đứa con không biết nối chí cha. Anh con trai thưa: “Con luôn luôn nghe lời cha dặn lúc lâm chung, mẹ ạ. Cha dặn sao con làm vậy. Cha dặn:*

- Đừng hút thuốc... uống rượu con nhé!

- Đừng đánh cờ... đánh bạc con nhé!

- Đừng ăn trộm... ăn cắp con nhé!

Con đâu dám hút thuốc, đánh cờ và ăn trộm?”.

(dt Nguyễn Đức Dân, 1986)

Ở ví dụ (16), nguyên nhân dẫn tới hiện tượng mơ hồ cú pháp là cách hiểu về phạm vi tác động (hay đặc tính gắn kết) của từ phủ định *đừng*... Câu “*Đừng hút thuốc... uống rượu con nhé*” có thể hiểu theo hai cách: “Đừng ăn trộm, đừng ăn cắp” (từ *đừng* gắn kết vào cả hai động từ), hoặc “Đừng ăn trộm, mà đi ăn cắp” (từ *đừng* chỉ gắn kết vào động từ thứ nhất). Ở đây, cái ngừng giọng lúc hấp hối của người cha làm cho việc hiểu câu trên theo nghĩa thứ hai càng nổi trội hơn.

(17) *A pretty girl walked in little dress shop and said to the manager: “May I try on that two-piece suit in the window?”*

“Go right ahead”, said the manager. “It might help business.”

(dt Hoke, 1965)

(Có một cô gái xinh đẹp bước vào một tiệm nhỏ bán quần áo và nói với người quản lý: “Tôi mặc thử bộ quần áo hai mảnh ở cạnh cửa sổ được không?”

“Xin cô cứ tự nhiên”, viên quản lý trả lời: “Việc này hẳn là sẽ giúp cho tiệm buôn may bán đắt hơn nữa”).

(18) *You are welcome to visit this cemetery where famous composers, artists, and writers are buried everyday except Thursday.* (dt Pinker, 1994)

(Các bạn có thể viếng thăm nghĩa trang của chúng tôi nơi mà các nhạc sĩ, nghệ sĩ và nhà văn nổi tiếng được chôn cất mỗi ngày trừ thứ năm).

Trong truyện (17), lời đề nghị (dưới dạng câu hỏi) của cô gái có thể có hai diễn dịch tùy theo giới ngữ *in the window* gắn kết với danh từ *two-piece suit* hoặc với động từ *try on*. Dĩ nhiên ý định thực sự của cô gái được diễn dịch theo cách gắn kết thứ nhất, đó là muốn nói đến bộ áo quần hai mảnh ở cạnh cửa sổ; trong khi viên quản lý lại diễn dịch theo cách gắn kết thứ hai (tạo nên cái hài cho câu truyện): cô gái muốn mặc thử ở cửa sổ. Còn câu (18) được trích trong câu truyện nói về nội dung của một bảng thông báo tại một nghĩa trang ở Nga.

Trạng ngữ *everyday except Thursday* có thể gắn kết với động từ *visit* hay *buried*, tương ứng với hai diễn dịch: (i) *Các bạn có thể viếng thăm nghĩa trang của chúng tôi mỗi ngày trừ thứ năm, nơi mà các nhạc sĩ, nghệ sĩ và nhà văn nổi tiếng được chôn cất*; hoặc (ii) *Các bạn có thể viếng thăm nghĩa trang của chúng tôi, nơi mà mỗi ngày trừ thứ năm các nhạc sĩ, nghệ sĩ và nhà văn nổi tiếng được chôn cất*. Chính việc tri nhận theo nghĩa thứ hai đã tạo nên cái hài cho câu truyện.

Cũng có trường hợp mơ hồ cú pháp do sự tỉnh lược yếu tố trong cấu trúc câu, và từ đó tạo nên hiệu ứng hài hước cho câu truyện, như sau:

(19) *A census clerk, in scanning over the form to see if it had been properly filled up, noticed the figures 120 and 112 under the headings “Age of Father, if living” and “Age of Mother, if living.”*

“But your parents were never so old, were they?” asked the astonished clerk.

“No”, was the reply, “but they would have been, if living.”

(dt Laimute Servaite, 2005)

Trong hội thoại (19), cấu trúc “if living”, như là “tiền giả định” cho câu trả lời, có thể được diễn dịch ở cả hai cách: (i) theo điều kiện có thực “if he/she is still alive” (“nếu ông/bà còn sống”), như nghĩa của mẫu thống kê muốn nói; và (ii) theo điều kiện phi thực “if they were alive” (“giả sử ông/bà còn sống”), như cách hiểu của người trả lời.

Do tiếng Việt và tiếng Anh có những loại mơ hồ cú pháp tương tự như nhau nên ở các câu truyện tiếng Anh thuộc loại này có thể dịch một cách hoàn hảo sang tiếng Việt (hoặc ngược lại) mà vẫn duy trì được sự mơ hồ và tính hài hước tương tự.

4.3. Loại truyện cười do mơ hồ ngữ dụng

Như đã nói, nghĩa câu/phát ngôn bao gồm hai phần là nghĩa nguyên văn/ngĩa hiển ngôn và nghĩa ngôn trung/ngĩa hàm ngôn. Mơ hồ từ vựng và/hay mơ hồ cú pháp tạo nên mơ hồ ở nghĩa nguyên văn/ngĩa hiển ngôn của phát ngôn. Đây chính là một loại của mơ hồ ngữ dụng, vì trên thực tế, nghĩa

hiển ngôn mơ hồ sẽ tạo nên nghĩa hàm ngôn mơ hồ. Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc phân tích dưới góc độ ngôn ngữ học, hai loại mơ hồ này đã được tách thành hai mục riêng 4.1 và 4.2 như trên. Do vậy, ở mục này, ta chỉ đề cập đến nghĩa hàm ngôn trong mơ hồ ngữ dụng.

Trong truyện cười, việc tạo ra nghĩa hàm ngôn rất quan trọng, đặc biệt là ở những mẫu truyện cười mang tính châm biếm:

“Như đã nói, điều kiện để tiếng cười bật lên, là người nghe bất ngờ tự phát hiện được mâu thuẫn, được bản chất đối lập với hình thức của sự vật và hiện tượng. Vì vậy, người xây dựng chuyện/truyện cười không được nói trắng ra điều cần nói. *Cần có những thủ pháp ngôn ngữ tạo ra những cách nói có hàm ý*. Điều này đặc biệt quan trọng ở cách nói châm biếm. Chúng ta tìm hiểu nguyên tắc căn bản của phép châm biếm. Giữa lời nói và lời châm biếm, có sự khác nhau căn bản như sau:

Giả sử A là một điều trái với hiện thực, trái với sự thật. Khi người nói dối nói điều A thì người đó tìm mọi cách để những người khác tin rằng đúng là A. Nhưng khi một người châm biếm (hoặc mỉa mai) nói rằng A thì người đó lại tìm mọi cách để những người khác thấy rằng đó không phải là A, mà là B – một điều trái ngược với A.

Thế là *cơ chế của phép châm biếm và mỉa mai là những cơ chế nói A sao để những người khác thấy rằng mình muốn nói không phải là A*.

Hệ quả của điều này là trong lời nói châm biếm luôn luôn có hai nghĩa, một nghĩa văn bản (cũng còn gọi là nghĩa đen) và một nghĩa liên tưởng hay hàm ý (cũng còn gọi là nghĩa bóng). Chính hàm ý là đích châm biếm.

Điều trên *hiển ngôn* nói là A mâu thuẫn, đối lập với một điều B. Đó có thể là một thực tế khách quan, một điều đã nói trước đây hoặc là hàm ý của những điều đã nói, thậm chí có thể là hàm ý của chính A. Nghệ thuật dùng ngôn từ để gây cười, trước hết là nghệ thuật dùng ngôn từ có hàm ý” [3 : 41].

Theo Nguyễn Đức Dân (1998), nghĩa hàm ngôn có thể bao gồm tiền giả định³ và hàm ý; hàm ý có thể bao gồm hàm ý ngôn ngữ và hàm ý hội thoại [1 : 194]. Nghĩa hàm ngôn mơ hồ có thể do tiền giả định mơ hồ hoặc ý định của người nói không rõ hoặc do người nghe không hiểu (hoặc cố tình không hiểu) ý định của người nói, v.v.. Từ đó dẫn đến việc người thụ ngôn có thể diễn dịch phát ngôn theo nghĩa khác hẳn với nghĩa hàm ngôn đích thực mà người phát ngôn muốn truyền đạt. Nhìn chung, mơ hồ ngữ dụng xảy ra khi người phát ngôn hay người thụ ngôn vi phạm các Phương châm hội thoại (Maxims of Conversation)⁴ do nhà triết học H. P. Grice (1913-1988) đưa ra; trong đó, chủ yếu là vi phạm Phương châm về cách thức. Một ví dụ cho việc vi phạm Phương châm về lượng trong truyện cười *Khoe của* sau:

(20) *Có anh hay khoe của, một hôm may được cái áo mới, liền đem ra mặc, rồi đứng hóng trước cửa, đợi có ai đi qua người ta khen. Đứng mãi đến chiều, chẳng thấy ai hỏi cả, anh ta buồn lắm. Chợt có một người tát tươi chạy lại hỏi to:*

- Anh này giờ đứng đây có trông thấy con lợn cưới nhà tôi chạy qua đây không? Anh ta liền cầm vạt áo lên, nói: – Từ lúc tôi mặc cái áo mới này đứng đây, chẳng thấy con lợn nào chạy qua cả!

Cả câu hỏi lẫn câu đáp đều vi phạm phương châm lượng. Đã nói những điều dư hiển nhiên: “con lợn cưới” và “chiếc áo mới”. Thế là chúng trở thành

³ Tiền giả định là những gì được xem là kiến thức chung được những người tham gia hội thoại chia sẻ (nếu không thì cuộc hội thoại sẽ bị gián đoạn). Phần tiền giả định không nằm trong nội dung thông báo của câu nói, người nói không có ý định truyền đạt nó cho người nghe biết: những điều được nhắc đến trong tiền giả định được coi như thể đã được khẳng định từ trước, và người nghe cũng như người nói đương nhiên như đã biết rõ.

⁴ Có 4 phương châm sau:

Phương châm về lượng:

Hãy nói sao cho có nội dung đáng nói

- Đừng nói nhiều hơn cái nội dung đáng nói

Phương châm về chất:

Hãy nói đúng sự thật

Đừng nói điều gì mình biết là không đúng

Phương châm về quan hệ: hãy nói vào đề

Phương châm về cách thức: hãy nói cho rõ, tránh cách nói rối rắm hay mơ hồ.

bất thường và người đọc nhận ra luôn hàm ý của “lợn cưới” và “áo mới”: Cả hai thích khoe cả. [3 : 42-43].

Hoặc trong mẫu truyện sau của người Algérie:

(21) - *Này anh lái, tất cả đồ đạc của tôi mang vào phòng rồi chứ?*

Một bà to béo và trông vẻ lịch sự hỏi vậy.

- *Vâng, thưa bà.*

- *Anh có chắc chắn tôi để lại gì không?*

- *Chắc lắm bà ạ! Kể cả tiền puốc-boa cũng không.*

(dt Nguyễn Đức Dân, 1988)

Ở đây, anh chàng lái xe đã “nói nhiều hơn cái nội dung đáng nói”, nhằm nhắc khéo một cách hóm hỉnh và thông minh về việc “quên” cho tiền thêm của bà lịch sự nọ.

Sau đây, ta sẽ phân tích các loại truyện cười do nghĩa hàm ngôn (gồm tiền giả định và hàm ý) mơ hồ.

4.3.1. Loại truyện cười do tiền giả định mơ hồ

Xét các ví dụ sau:

(22) Có một thuyền trưởng trên một chiếc tàu thuộc trường phái ủng hộ luật cấm rượu (ở Mỹ, những năm 1920-1933) nhưng thuyền phó lại là người say rượu, thuyền trưởng không ưa. Một hôm trong phiên trực của mình, nhận thấy thuyền phó lại say rượu, thuyền trưởng bức mình ghi vào sổ hàng hải, nhận xét: “Hôm nay, 25 tháng 3, thuyền phó say rượu. Và hôm sau, đến phiên trực của mình, thuyền phó đọc thấy lời nhận xét đó, tức mình, ngẫm nghĩ rồi cũng ghi vào sổ nhật ký: “Hôm nay, 26 tháng 3, thuyền trưởng không say rượu” (dt Hoàng Phê, 1989).

(23) *A nine-year-old boy stood in the entrance to the shoe repair shop watching the man at work.*

“What do you repair boots with, mister?” he suddenly asked.

“Hide,” replied the shop repairer sharply.

“E-r-r,eh?” asked the boy.

“I said hide,” replied the shoe repairer impatiently. “What for?” the boy insisted,

somewhat surprised. “Hide! The cow’s outside,” said the shoe repairer.

“I don’t care if it is. Who’s afraid of a cow, anyway?” said the youngster loudly.

Trong truyện cười (22), khi đọc đến câu *Hôm nay thuyền trưởng không say rượu* thì ít ra người đọc cũng phải nghĩ rằng có những hôm khác thuyền trưởng say rượu (trong khi thuyền trưởng không bao giờ uống rượu). Viên phó thuyền trưởng làm như thể việc thuyền trưởng không say rượu là một sự kiện đặc biệt: nó tiền giả định một điều không có thật: “thuyền trưởng hay say rượu”⁵. Vì vậy, nghĩa hàm ngôn của câu trên là một lời vu khống, mặc dù nghĩa hiển ngôn của nó hoàn toàn đúng sự thật. Điều này dẫn đến cái cười ý nhị, sâu sắc cho câu truyện. Còn ở hội thoại (23), từ *hide* được đề cập nhiều lần. Cuộc hội thoại này có tiền giả định là cả hai người đều biết ý nghĩa của từ *hide* (*che giấu* hay *da bò*). Tuy nhiên, cậu bé chỉ nghĩ (hoặc chỉ biết) đến ý nghĩa của từ *hide* là *che giấu*, trong khi người sửa giày lại dùng từ này theo nghĩa khác là *da bò*. Cái kiểu “ông nói gà, bà nói vịt” như vậy đã tạo nên cái cười cho câu truyện. Đây cũng là một dạng mơ hồ ngữ dụng có sự “trợ giúp” của các từ đồng âm.

Liên quan đến tiền giả định, có loại truyện cười do sở chỉ mơ hồ và do tính lược⁶. Một ví dụ cho mơ hồ loại này là truyện vui *Mất rồi* trong *Truyện cười dân gian Việt Nam*, như sau:

⁵ Lẽ ra phó thuyền trưởng phải viết: *Hôm nay, cũng như mọi hôm, thuyền trưởng không say rượu*. Đây chính là một trường hợp tiêu biểu của việc lợi dụng cái ưu thế của hàm ngôn so với lời nói hiển ngôn: người nói câu có hàm ngôn bao giờ cũng có thể chối là mình không hề nói cái điều được truyền đạt thông qua cơ chế hình thành hàm ý. Ông phó thuyền trưởng ở ví dụ trên, nếu có ai trách cứ có thể nói: *Tôi chỉ viết đúng sự thật: Hôm ấy ông thuyền trưởng không say rượu. Tôi không hề viết là: Những hôm khác ông thuyền trưởng say rượu*. Và lời chối cãi này rất khó bắt bẻ tuy ai cũng biết ông phó thuyền trưởng xỏ xiên ông thuyền trưởng. [5 : 515].

⁶ Như đã biết, khi đọc (nghe) một câu trong một (văn) ngôn cảnh thì ta có thể biết những từ ngữ nào trong câu có sở chỉ. Những yếu tố logic như tính xác định, sự đồng sở chỉ (co-reference), v.v. giúp cho người thụ ngôn làm được điều đó. Nhưng cũng có trường hợp mà người nói và người nghe (do vô tình hay cố ý) “quy chiếu” các đối tượng trong phát ngôn của mình khác nhau và đây là nguyên nhân phát ngôn mơ hồ ngữ dụng do tính lưỡng khả về sở chỉ (referential ambiguity).

(24) “Một người đi chơi xa, dặn con là có ai hỏi thì nói là bỏ đi vắng. Cẩn thận hơn, ông liền viết vào giấy đề nếu con có quên thì đưa tờ giấy đề khách biết. Cậu con cầm giấy bỏ vào túi áo. Tối đến, sẵn có ngọn đèn, nó lấy giấy ra xem, chẳng may vô ý để giấy cháy mất.

Hôm sau, có người đến chơi, hỏi: *Thầy cháu có nhà không?*

Nó ngần người. Sực nhớ ra, nó sờ vào túi và hốt hoảng: *Mất rồi!*

Khách giật mình hỏi: *Mất bao giờ?*

Mất tối hôm qua...

Vậy sao mà mất?

Cháy...”

Ta thấy đối thoại giữa ông khách và cậu bé có mơ hồ về sở chỉ. Đối với ông khách mọi thông tin hỏi đáp từ cậu bé liên quan tới bạn mình-bố cậu bé. Còn cậu bé chỉ quan tâm tới tờ giấy vì đã làm cháy nó. Ở đây người đọc có thể hiểu theo cách nào cũng được (*Tờ giấy mất / Ông bố mất; Tờ giấy mất do bị cháy / Ông bố mất do bị cháy*). Cái kiểu “ông nói gà bà nói vịt” cứ tồn tại cho đến hết truyện chính là nhờ ở sự mơ hồ về sở chỉ giữa các phát ngôn. Ở đây, tác giả đã cố tình vi phạm *Phương châm Cách thức* nhằm tạo nội dung hài hước cho câu truyện.

Một ví dụ khác nữa là (25) *Chuyện anh Mới làng tôi*. Trong truyện, có đoạn nói về chị Mới vì mất đi giải quá, đã đặt gánh rượu mang ra đình xuống để giải quyết... “mâu thuẫn”, làm cho quan viên đang ngồi quanh các mâm chờ sốt cả ruột. Họ cáu tiết mắng: “Mẹ nó chứ, các quan đang đợi, thế mà nó còn đãi!”. Nghe thế, anh Mới liền quát vợ: “Đái mau lên, mang vào cho các quan uống!”. Ở đây anh Mới đã cố tình tạo tình huống mơ hồ do tính lưỡng khả về sở chỉ. Ai muốn hiểu theo cách nào cũng được vì cả hai cách hiểu đều liên quan tới một chất nước, một bên là thứ nước thải ra và một bên là thứ nước để uống. (dt Phạm Văn Tình, 2000).

Tiếng Anh cũng vậy, có những truyện cười dựa trên tính lưỡng khả về sở chỉ (referential ambiguity) để tạo ra tiếng cười, như sau:

(26) *An officer was halted on his approach to the camp by a car green sentry.*

In disgust to the sentry's challenge of “Who is here?”

The officer shouted: “Me, jackass”.

“Advance, jackass,” was the solemn answer, “to be recognized”.

(27) A: *How can you drop a raw egg onto a concrete floor without cracking it?*

B: *Any way you want, concrete floors are very hard to crack.*

(28) A: *Where was the Declaration of Independence signed?*

B: *At the bottom of the page⁷.*

Ở (20), sự diễn dịch sai lệch của câu “Me, jackass” nghĩa là “Tôi đây, đồ con lừa”, thì dựa trên cấu trúc cú pháp: *jackass* ở vị trí này có thể được diễn dịch như là hình thức xưng hô dành cho người đối thoại hoặc như là phần chêm (apposition) giải thích cho từ đi trước (đây là danh từ để chỉ cho đại từ đi trước nó). Viên sĩ quan sử dụng từ này để chỉ viên lính gác, trong khi người lính gác lại chọn cách diễn dịch thứ hai nhằm chỉ viên sĩ quan. Truyện cười này dựa trên đồng âm cú pháp, nghĩa là cùng cấu trúc cú pháp giống nhau nhưng lại có nghĩa khác nhau.

Còn (27) và (28) là loại truyện cười do mơ hồ về sở chỉ ở dưới dạng hỏi đáp. Ở (27), đại từ *it* trong *cracking it* được người hỏi A “quy chiếu” cho *raw egg* (*quả trứng sống*); trong khi đó, đại từ này được người trả lời B “quy chiếu” cho *concrete floor* (*nền xi măng*). Ở (28), người hỏi muốn biết về nơi chốn mà bản Tuyên ngôn độc lập được ký chứ không phải là chỗ được ký trong bản Tuyên ngôn như người trả lời cố tình hiểu như vậy. Cái kiểu “hỏi một đằng trả lời một nẻo” như thế đã tạo nên hiệu ứng hài hước cho câu truyện.

4.3.2. Loại truyện cười do hàm ý mơ hồ

⁷ Truyện này cũng gần giống như một truyện khác trong tiếng Việt. Khi người A hỏi người B: “Anh bị thương ở đâu?” thì người B trả lời: “Tôi bị thương ở hai nơi: một ở đùi và một ở Đèo Khế”.

Ở loại truyện cười này, hàm ý của người kể hoặc người tham gia hội thoại được tri nhận qua ngữ cảnh, tình huống trong truyện, rồi từ đó tạo ra tiếng cười.

Quan sát các ví dụ sau:

(29) *Giáo viên: Anh em có 5 quả cam. Em ăn mất hai quả. Kết quả sẽ thế nào?*

Học sinh: Em sẽ bị một trận như tử tù!

Rõ ràng là giáo viên và học sinh hiểu câu hỏi trên theo những cách khác nhau. Qua từ *kết quả*, giáo viên nghĩ tới quan hệ số lượng, đó là phép trừ 5-2, còn cậu học sinh lại nghĩ tới sự kiện sẽ xảy ra trong quan hệ anh em (sẽ bị ăn đòn). Cách hiểu của cậu học sinh thật bất ngờ. Tiếng cười bật ra từ đó. [3 : 48].

(30) *In the bus a well-dressed man missed his silk handkerchief and accused his neighbour, an old man, of having stolen it. But after some time the well-dressed man found the handkerchief in his pocket and apologized for having accused the old man.*

- “Never mind”, said the latter, “You thought I was a thief, and I thought you were a gentleman, and we were both mistaken”.

(Trên xe buýt, một người đàn ông ăn mặc bánh bao bị mất chiếc khăn tay và cho rằng người bên cạnh, một ông lão, đã lấy cắp nó. Nhưng sau đó ít phút, người đàn ông bánh bao này tìm thấy chiếc khăn tay trong túi của mình và xin lỗi ông lão vì đã cáo buộc ông lão).

- “Không sao đâu”, ông lão nói, “Anh đã nghĩ rằng tôi là một tên trộm, và tôi đã nghĩ rằng anh là một quý ông, và cả hai ta đều nhầm”.

(31) *Mary: What makes you think the teacher has never seen a horse, Johnny?*

Johnny: Because I drew one today, and she asked me what it was.

(Mary: Sao con lại cho rằng cô giáo chưa bao giờ thấy con ngựa, hả Johnny?)

Johnny: Bởi vì hôm nay con có vẽ một con, nhưng cô lại hỏi đây là con gì).

(32) *The teacher was telling his pupils about different seasons of the year. He asked:*

- *Children, who knows what is the best time to gather fruit?*

Little Jim answered:

- *When there is no dog in the garden.*

(Thầy giáo đang nói với học trò về các mùa khác nhau trong năm. Ông hỏi:

- *Này các em, ai biết thời điểm tốt nhất để thu hoạch trái cây là khi nào?*

Cậu bé Jim đã trả lời:

- *Dạ, khi không có con chó trong vườn ạ.)*

Ở (30), cái cười mỉa mai, châm biếm được thể hiện ở câu cuối: hàm ý chê bai người đàn ông của ông lão rất rõ mặc dù không được thể hiện qua nghĩa hiển ngôn. Ở (31), cái tạo tình huống gây cười ở đây là nghĩa hàm ngôn của câu hỏi mà cô giáo đưa ra cho đứa bé. Thông thường, khi một ai đó hỏi “Đây là con gì?” thì có tiền giả định rằng người hỏi không biết hoặc chưa thấy loại động vật này (đây là hàm ngôn được đứa bé ghi nhận). Còn hàm ngôn của cô giáo khi hỏi câu này là đứa bé vẽ rất kém, không thể xác định nó con gì. Còn ở mẫu truyện (32), thầy giáo muốn hỏi đến thời điểm trong năm (với ý định là để giải thích về các mùa trong năm), trong khi cậu học trò lại nói đến thời điểm không có chó trong vườn. Câu trả lời của học trò khác hẳn với dự kiến của giáo viên đã tạo nên cái hài hước cho câu truyện.

5. Truyện cười rất hữu ích trong việc dạy và học ngoại ngữ

Truyện cười góp phần lôi cuốn sự quan tâm của người học, tạo ra một không khí thân thiện và thư giãn. Nếu biết kết hợp và vận dụng, người dạy có thể đưa ra những nhận định súc tích về hiện tượng mơ hồ ở các cấp độ cấu trúc ngôn ngữ và làm rõ chúng bằng những ví dụ sống động, lời cuốn, dễ hiểu, dễ nhớ. Đồng thời, do cô đọng súc tích, truyện cười có thể được sử dụng như là bài kiểm tra kỹ năng ngôn ngữ cơ bản của người học.

Tiếng Việt cũng như tiếng Anh đều có nhiều truyện cười dựa trên cơ sở vận dụng hiện tượng mơ hồ ngôn ngữ. Người nghe/người đọc nhận ra các tình huống, sự kiện tức cười nhờ có “công cụ” mơ hồ ngôn ngữ kết hợp với kiến thức và sự nhạy cảm ngôn ngữ của mình. Trong dạy tiếng, giáo viên có thể trình bày, phân tích một mẫu truyện cười do mơ hồ ngôn ngữ. Việc này không chỉ giúp cho học viên có thể hiểu được cái hài trong câu truyện mà còn giúp học viên thâm nhập vào trong chiều sâu của ngôn ngữ. Trong dạy tiếng, cần chú ý là có khả năng có thể chuyển dịch các mẫu truyện cười từ thứ tiếng này sang thứ tiếng kia. Có loại truyện cười rất khó hoặc không thể chuyển dịch từ Anh sang Việt (hoặc ngược lại) như loại truyện cười do mơ hồ từ vựng; trong khi đó, hầu hết các truyện cười do mơ hồ (thuần túy) cú pháp và mơ hồ ngữ dụng có thể dễ dàng chuyển dịch giữa hai thứ tiếng mà vẫn giữ được giá trị hài hước của câu truyện. Do vậy, tùy tình hình giảng dạy mà giáo viên có thể lần lượt đưa ra các loại truyện cười theo các cấp độ mơ hồ, từ đồng âm đến ngữ dụng; hoặc đưa ra những mẫu truyện cười tăng dần theo độ khó của việc chuyển dịch sang ngôn ngữ đích.

6. Lời kết

Truyện cười rất phổ biến trong cuộc sống. Trong đó, tính mơ hồ đa nghĩa của ngôn ngữ đóng vai trò tích cực, giúp người nói và người nghe đạt được hiệu quả giao tiếp như mong muốn - đó là tạo nên và cảm nhận cái hài. Truyện cười tuy ngắn gọn nhưng tinh tế, đậm chất nghệ thuật của ngôn từ. Cái hài trong truyện cười có thể được tạo ra do mơ hồ ngôn ngữ ở các cấp độ như từ vựng, cú pháp, ngữ dụng. Và tương ứng, ta có các loại truyện cười theo các cấp độ này.

Những lời nói đùa, những mẫu truyện cười không chỉ đơn thuần để tạo ra niềm vui, để giải trí mà còn để học tập và giảng dạy: nó có thể được xem như là bài kiểm tra kỹ năng ngôn ngữ cơ bản của người học; hoặc như là một tài liệu giảng dạy cô đọng và súc tích, góp phần lôi cuốn sự quan tâm của người học, tạo ra một không khí thân thiện và thư giãn. Phân tích một truyện cười dưới khía cạnh ngôn ngữ học không chỉ giúp cho người học có thể hiểu được cái hài trong truyện mà còn giúp người học thâm nhập vào trong chiều sâu của ngôn ngữ một cách thú vị và hiệu quả.

The types of jokes in view of language ambiguity (illustrated by the Vietnamese and English languages)

• Tran Thuy Vinh

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Jokes are common in life. In which, ambiguity of language plays an active role and helps the speaker and the listener to achieve communication effectively; i.e. creating and

getting humour. Jokes are concise but delicate and full of artistic qualities in them.

The paper analyzes the characteristics of language ambiguity as a "means" to create the humour out of jokes in Vietnamese and

English; simultaneously examines the types of jokes due to language ambiguity as well as considers the possibility of using them in teaching/ learning a foreign language.

Keywords: jokes, language ambiguity, language teaching, lexical ambiguity, syntactic ambiguity, pragmatic ambiguity

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- [1]. Nguyễn Đức Dân (1998), *Logic và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục
- [2]. Nguyễn Đức Dân và Trần Thị Ngọc Lang (1992), *Câu sai và câu mơ hồ*, Nxb Giáo dục
- [3]. Nguyễn Đức Dân (chủ biên), *Tuyển tập Tiếng cười thế giới, tập 1* (1988) & *tập 2* (1989), Nxb Khoa học Xã hội.
- [4]. Nguyễn Đức Dân (1986), *Hiện tượng mơ hồ và văn học trào phúng*, Tạp chí *Sông Hương*, số 17, t. 78 – 81, 1986
- [5]. Cao Xuân Hạo (1995), *Tiếng Việt – sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb Khoa học Xã hội
- [6]. Hồ Lê và Lê Trung Hoa (2002), *Sử dụng Từ ngữ trong Tiếng Việt (Thủ chơi chữ)*, Nxb Khoa học Xã hội
- [7]. Hoàng Phê (1989), *Logic ngôn ngữ học*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội
- [8]. Phạm Văn Tình (2000), “Tình lược yếu tố trong cấu trúc – một thủ pháp trong các truyện cười”, Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 4, tr.1 – 5
- [9]. Trần Thủy Vịnh (2008), *Hiện tượng mơ hồ trong tiếng Việt và tiếng Anh*, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

- [10]. Hoke, H. 1965, *More jokes*, New York: Franklin Watts
- [11]. Hockett, C.F. 1972, *Jokes.*, In Smith, M.E. (ed.). 1972. 153-178
- [12]. Kooij, Jan G. (1971), *Ambiguity in Natural Language*, North-holland Publishing Company, Amsterdam, London
- [13]. Laimute, Servaite (2005), *The Anatomy of a Joke*, TILTAI 4 (33), Klaipeda: Klaipedos Universitetas eprint.
- [14]. Lendvai, E. (1993), *The Untranslatable Joke, Transfere necesse est...*, Current Issues of Translation Theory, ed. by K. Klaudy and J. Kohn. Szombathely
- [15]. Lew, Robert (1996), *Exploitation of Linguistic Ambiguity in Polish and English Jokes*, Papers and Studies in Contrastive Linguistics 31, Adam Mickiewicz University, pp. 127-133
- [16]. Misztal, Mariusz (1990), *Life in Jokes*, Warszawa: WsiP
- [17]. Oaks, D.D. (1994), “Creating Structural Ambiguities in Humor: Getting English Grammar to Cooperate”, *Humor* 7-4. 377-401
- [18]. Pinker, Steven (1994), *The Language Instinct*, William Morrow and Company, Inc, New York.
- [19]. Pochepstov, G. (1997), *Language and Humour*, Kiev
- [20]. Raskin, V. (1985), *Semantic Mechanisms of Humour*, Dordrecht: Reidel
- [21]. Raskin, V. (1987), “Linguistic Heuristics of Humor: A Script-Based Semantic Approach”, *International Journal of the Sociology of Language* 65. 11-25.